

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HS-PT
Ngày 09-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Tỉnh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Mạnh Hà

Bà Bùi Thị Thu Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Đồng Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 129/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 12 năm 2022 do có kháng cáo của bị cáo Phan Thị N đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 51/2022/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

Phan Thị N, sinh ngày 18 tháng 11 năm 1996 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn Ry Phúc, xã D, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Trình và bà Trần Thị G; chưa có chồng và có 04 con ; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ ngày 07/4/2022, tạm giam ngày 16/4/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh ngày 05/7/2022; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Thị N:* Bà Trần Thị G, sinh năm 1966 (là mẹ của bị cáo N); trú tại: Thôn R, xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Thị N:* Ông Trần Minh N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; **có mặt.**

- *Bị hại không kháng cáo:*

1. Anh Lê Chí C, sinh năm 1986; trú tại: Thôn 5, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; **vắng mặt.**

2. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1922; trú tại: Thôn 5, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; **vắng mặt.**

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Thị Đ: Bà Lê Thị Hải, sinh năm 1969; trú tại: Thôn 5, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; **vắng mặt.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Đ: Bà Nguyễn Thị Thu H - Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; **vắng mặt.**

3. Chị Tô Thị P, sinh năm 1985; trú tại: Thôn 3, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; **vắng mặt.**

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Phạm Cao C, sinh năm 1998; trú tại: Làng P, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; **vắng mặt.**

- *Trong vụ án còn có bị cáo không bị kháng nghị, kháng cáo:* Lê Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài cá nhân, Lê Văn B và Phan Thị N đã nhiều lần rủ nhau trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn huyện V, thành phố Hải Phòng, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 07 giờ 20 phút, ngày 20-3-2022, khi đang kích cá cùng B tại ao nhà B ở Thôn 5, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng, N rủ B lấy trộm tiền của bà Trần Thị Đ (là bà nội của B) ở cạnh nhà B, B đồng ý. N là người trực tiếp đi sang nhà bà Đ để lấy tiền còn B đứng ở gần bờ ao sát nhà bà Đ để cảnh giới cho N. N đi đến khu vực giường ngủ của bà Đ rồi lấy đi số tiền 2.320.000 đồng để trong gói của bà Đ. Sau khi lấy được tiền, N mang về đưa cho B rồi cả hai mang theo số tiền vừa trộm cắp được đi tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 22-3-2022, B và N tiếp tục rủ nhau lấy trộm tiền của bà Đ. Thấy cổng nhà bà Đ khóa, B bảo N trèo qua tường rào để vào còn B đứng ở ngoài cổng để cảnh giới. N trèo cổng vào nhà bà Đ rồi đi đến khu vực giường ngủ của bà Đ lấy đi số tiền 1.720.000 đồng để trong gói của bà Đ. Sau khi lấy được tiền, N mang về đưa cho B rồi cả hai cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ ba: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 05-4-2022, khi B đi qua lán xe nhà anh Tô Văn Hậu, sinh năm 1983 ở Thôn 4, T, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Mangostin, màu xanh, Biển kiểm soát 61L1-3022 của chị Tô Thị P (là em gái của anh H) dựng ở đó, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe và đi về rủ N cùng thực hiện, N đồng ý.

Cả hai đi đến nhà anh H, do cổng không khóa nên B đi vào trong sân nhà để cảnh giới rồi bảo với N đi vào dắt chiếc xe máy trong lán xe nhà anh H ra. N loay hoay một lúc nhưng không quay được xe. Thấy vậy, B đi đến quay đầu chiếc xe máy hướng ra cổng để N dắt chiếc xe máy trên đi ra ngoài đường rồi nổ máy đi về nhà trước đợi B. Một lúc sau, B đi về đến nhà rồi điều khiển chiếc xe máy trên chở N đến huyện A, thành phố Hải Phòng. Cả hai cầm cố chiếc xe cho một người không quen biết tại một cửa hàng (hiện chưa xác định được địa chỉ) tại huyện A được số tiền 500.000 đồng rồi cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ 4: Khoảng 08 giờ ngày 07-4-2022, khi thấy anh Lê Chí C (là anh trai của B) sống cùng nhà với B nhưng đi vắng nên B nảy sinh ý định lấy trộm chiếc máy giặt màu trắng, nhãn hiệu SAMSUNG, loại 5,5kg của anh Công rồi rủ N cùng thực hiện, N đồng ý. Sau đó B đi tìm người thu mua sắt vụn ở ngoài đường để bán chiếc máy giặt và tìm được anh Phạm Cao C, sinh năm 1998 ở làng P, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng. B nói với anh C là B có một chiếc máy giặt cũ không dùng nữa muốn bán, anh C đồng ý mua. B cùng anh C tháo chiếc máy giặt còn N đứng trong phòng gần đó nhìn qua cửa để cảnh giới. B và N bán chiếc máy giặt được 350.000 đồng rồi cùng nhau tiêu xài cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, đến 06 giờ 50 phút ngày 07-4-2022, chị Tô Thị P có đơn trình báo đến Công an xã L; 07 giờ ngày 07-4-2022, bà Lê Thị Hải (người sống cùng nhà với bà Trần Thị Đ) có đơn trình báo đến Công an xã L; 07 giờ 10 phút ngày 07-4-2022, anh Lê Chí C có đơn trình báo đến Công an xã L; 08 giờ ngày 07-4-2022, Phan Thị N đến Công an xã L đầu thú khai nhận về hành vi vi phạm của bản thân; 09 giờ ngày 07-4-2022, Lê Văn B đến Công an xã L đầu thú khai nhận về hành vi vi phạm của bản thân và giao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Mangostin, màu xanh, Biển kiểm soát 61L1-3022. Sau khi mua được chiếc máy giặt, do nghi ngờ về người bán nên vào hồi 08 giờ 45 phút ngày 07-4-2022, anh Phạm Cao C đã đến Công an xã L, giao nộp lại chiếc máy giặt trên để Cơ quan Công an xác minh làm rõ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 40 ngày 25-8-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện V đã kết luận: “01 máy giặt (đã qua sử dụng), màu trắng, nhãn hiệu SAMSUNG, loại 5,5kg, model WF8550NHW tại thời điểm ngày 07-4-2022 có giá trị là 2.000.000 đồng; 01 xe máy (đã qua sử dụng), nhãn hiệu Mangostin, màu xanh, mang biển kiểm soát 61L1-3022, dung tích xi lanh 107, số khung 03421, số máy 01003421 tại thời điểm ngày 05-4-2022 có giá trị là 1.500.000 đồng”.

Theo biên bản xác minh tại địa phương xã D, huyện T, tỉnh Thái Bình thể hiện: “Phan Thị N đang được hưởng chế độ trợ cấp bảo trợ xã hội của địa phương cho đối tượng thuộc diện khuyết tật nặng”.

Tại Kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 226/KLGD ngày 04-8-2022 của Viện pháp y tâm thần trung ương thể hiện: *“Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị can Phan Thị N có bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh Quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên bị can hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi”*.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 51/2022/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện V thành phố Hải Phòng đã quyết định:

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thị N 12 (Mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án phạt tù (Bị cáo Phan Thị N được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/4/2022 đến ngày 05/7/2022).

+ Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các điều 584, 585, 586, 587, 588, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Lê Văn B và Phan Thị N phải liên đới bồi thường cho bà Trần Thị Đ 4.040.000 (Bốn triệu không trăm bốn mươi nghìn) đồng. Cụ thể, bị cáo Lê Văn B phải bồi thường cho bà Trần Thị Đ 2.020.000 (Hai triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng; bị cáo Phan Thị N phải bồi thường cho bà Trần Thị Đ 2.020.000 (Hai triệu không trăm hai mươi nghìn) đồng. Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Thị N là bà Trần Thị G có nghĩa vụ phải bồi thường cho bà Trần Thị Đ thay cho bị cáo.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phan Thị N và người đại diện hợp pháp cho bị cáo kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo, giữ nguyên đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo đang nuôi con nhỏ để giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

** Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo Phan Thị N, đánh giá tính chất vụ án, vai trò của bị cáo, nhận định mức hình phạt mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo N là phù hợp, tại phiên tòa phúc thẩm không có tình tiết gì mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm. Về

án phí đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm cho bị cáo.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Phan Thị N: Không tranh luận về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm cho bị cáo “phạm tội gây thiệt hại không lớn” và “Người phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đề nghị không áp dụng tình tiết phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn bản thân là người khuyết tật nặng, bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi hiện đang nuôi con nhỏ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo được ở nhà nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Kháng cáo của bị cáo Phan Thị N và người đại diện hợp pháp của bị cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về tội danh:*

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Thị N khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu điều tra khác. Như vậy, có đủ căn cứ xác định: Vào các ngày 20 và 22/3/2022, Lê Văn B và Phan Thị N đã lén lút chiếm đoạt số tiền 2.320.000 đồng và số tiền 1.720.000 đồng của bà Trần Thị Đ tại Thôn 5, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; ngày 05-4-2022, chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô trị giá 1.500.000 đồng của chị Tô Thị P tại lán xe nhà anh Tô Văn Hậu ở Thôn 4, T, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng; ngày 07/4/2022 chiếm đoạt 01 chiếc máy giặt trị giá 2.000.000 đồng của anh Lê Chí C ở Thôn 5, xã L, huyện V, thành phố Hải Phòng. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại là 7.540.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Phan Thị N về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật. Tuy nhiên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án sơ thẩm không buộc bị cáo N phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 02 lần trộm cắp trị giá dưới 2.000.000 đồng là thiếu sót cần rút kinh nghiệm. Bởi lẽ trong trường hợp này bị cáo thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản liên tục trong thời gian ngắn chưa bị phát hiện xử lý nên theo quy định pháp luật thì những lần trộm cắp tài sản trị giá dưới 2.000.000 đồng mà nhân thân bị cáo chưa bị xử lý hành

chính hoặc chưa bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản thì không đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản và những lần đó không làm căn cứ để xác định bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng phải cộng giá trị tài sản các lần trộm cắp này để buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] *Xét kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo:*

[4] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “ Phạm tội 02 lần trở lên “ và “ Phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên” quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự .

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo N ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo là người khuyết tật nặng và bệnh tâm thần hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p, q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất hành vi phạm tội, vai trò của bị cáo áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tuyên phạt bị cáo N 12 tháng tù là đúng pháp luật tương xứng với hành vi phạm tội không nặng. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo không có tình tiết gì mới để xem xét giảm nhẹ hình phạt. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội nhiều lần và là người chủ mưu nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo nghị Quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao do vậy không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả và Phạm tội gây thiệt hại không lớn là không có căn cứ chấp nhận, đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội đối người đủ 70 tuổi trở lên án sơ thẩm áp dụng là có căn cứ bởi lẽ bị cáo N biết rõ bị hại là bà Đ tuổi đã cao già yếu, tai diếc nên đã thực hiện vi phạm trộm cắp, vì vậy quan điểm của người bào chữa đưa ra là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm nhưng Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người khuyết tật nặng thuộc trường hợp được miễn án phí nên quyết định miễn án phí hình sự phúc thẩm cho bị cáo. Đối với án phí hình sự sơ thẩm tại thời điểm xét xử sơ thẩm chưa có quy định về miễn án phí hình sự, khi xét xử phúc thẩm đã có quy định nên miễn án phí sơ thẩm cho bị cáo.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s, p, q khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, i khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Thị N 12 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam (từ ngày 07/4/2022 đến ngày 05/7/2022).

2. Về án phí: Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bị cáo Phan Thị N.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm: 51/2022/HS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện V, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TPHP;
- VKSND huyện V;
- PV06 Công an TPHP;
- Cơ quan CSĐT huyện V;
- Cơ quan THAHS huyện V;
- TAND huyện V;
- Sở Tư pháp TP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Văn Tĩnh